

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 57 /2008/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công bố bảng giá nhân công, hệ số điều chỉnh chi phí nhân công và chi phí máy và thiết bị thi công xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 02/7/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về việc bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 02/7/2005 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/1/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 110/NĐ-CP ngày 10/10/2008 của Chính phủ về việc quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt nam có thuê mướn lao động;

Căn cứ Quyết định số 54 /2008/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định một số điều quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quản lý;

Xét đề nghị của liên sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn, Công thương tại tờ trình số 3770/TTr-LS ngày 12/12/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố bảng giá nhân công, hệ số điều chỉnh chi phí nhân công và chi phí máy và thiết bị thi công xây dựng công trình, để các tổ chức, cá nhân có liên quan, tham khảo lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đối với các công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội sử dụng nguồn vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quản lý.

(Chi tiết tại phụ lục I và phụ lục II kèm theo quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và thay thế quyết định số 18/2008/QĐ-UBND ngày 31/3/2008 và quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 27/6/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc: các sở, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU, TTHĐNDTP;
- BXD, BTP;
- Đ/c CTUBNDTP;
- Các Đ/c PCT UBND TP;
- CPVP, các phòng CV;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khôi



Phụ lục I

BẢNG GIÁ NHÂN CÔNG

Ban hành kèm theo Quyết định số 57/2008/QĐ-UBND ngày 22-11/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội

Bảng A1- Ngành 8 - Xây dựng cơ bản - nhóm I

Cấp bậc thợ	Giá nhân công (Đồng/ ngày công)		
	Công trình xây dựng trên địa bàn vùng I	Công trình xây dựng trên địa bàn vùng II	Công trình xây dựng trên địa bàn vùng III
I	61.477	56.866	53.024
II	71.471	66.110	61.644
III	83.249	77.006	71.802
IV	97.169	89.882	83.808
V	113.588	105.069	97.969
VI	133.218	123.227	114.901
VII	156.062	144.357	134.603

Bảng A1- Ngành 8 - Xây dựng cơ bản - nhóm II

Cấp bậc thợ	Giá nhân công (Đồng/ ngày công)		
	Công trình xây dựng trên địa bàn vùng I	Công trình xây dựng trên địa bàn vùng II	Công trình xây dựng trên địa bàn vùng III
I	65.760	60.828	56.718
II	76.111	70.402	65.646
III	88.603	81.958	76.420
IV	102.880	95.164	88.734
V	120.012	111.011	103.511
VI	139.643	129.170	120.442
VII	163.200	150.960	140.760

Bảng A1- Ngành 8 - Xây dựng cơ bản - nhóm III

Cấp bậc thợ	Giá nhân công (Đồng/ ngày công)		
	Công trình xây dựng trên địa bàn vùng I	Công trình xây dựng trên địa bàn vùng II	Công trình xây dựng trên địa bàn vùng III
I	72.185	66.771	62.259
II	83.963	77.666	72.418
III	97.526	90.212	84.116
IV	113.588	105.069	97.969
V	132.505	122.567	114.285
VI	154.991	143.366	133.680
VII	181.046	167.468	156.152

Ghi chú:

- Vùng I: Bao gồm các quận thuộc Thành phố Hà Nội (Lương tối thiểu 800.000 đồng/tháng).

- Vùng II : Bao gồm các huyện Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì, Từ Liêm, Thường Tín, Hoài Đức, Đan Phượng, Thạch Thất, Quốc Oai và Thị Xã Sơn Tây thuộc Thành phố Hà Nội (Lương tối thiểu 740.000 đồng/tháng).

- Vùng III : Bao gồm các huyện còn lại thuộc Thành phố Hà Nội (Lương tối thiểu 690.000 đồng/tháng).

- Các nội dung công việc thực hiện của Nhóm I, nhóm II, nhóm III - Ngành 8 - Xây dựng cơ bản được quy định tại Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004, cụ thể như sau:

Nhóm I:

- Mọc, nê, sắt;
- Lắp ghép cấu kiện; thí nghiệm hiện trường;
- Sơn vôi và cát lấp kính;
- Bê tông;
- Duy tu, bảo dưỡng đường băng sân bay;
- Sửa chữa cơ khí tại hiện trường;
- Công việc thủ công khác.

Nhóm II:

- Vận hành các loại máy xây dựng;
- Khảo sát, đo đạc xây dựng;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị, đường ống;
- Bảo dưỡng máy thi công;
- Xây dựng đường giao thông;
- Lắp đặt turbine có công suất < 25 Mw;
- Gác chắn đường ngang, gác chắn cầu chung thuộc ngành đường sắt;
- Quản lý, sửa chữa thường xuyên đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa;
- Tuân đường, tuân cầu, tuân hầm đường sắt, đường bộ;
- Kéo phà, lắp cầu phao thủ công.

Nhóm III:

- Xây lắp đường dây điện cao thế;
- Xây lắp thiết bị trạm biến áp;
- Xây lắp cầu;
- Xây lắp công trình thủy;
- Xây dựng đường băng sân bay;
- Công nhân địa vật lý;
- Lắp đặt turbine có công suất ≥ 25 Mw;
- Xây dựng công trình ngầm;
- Xây dựng công trình ngoài biển;
- Xây dựng công trình thủy điện, công trình đầu mối thủy lợi;
- Đại tu, làm mới đường sắt.

Phụ lục II
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH CHI PHÍ NHÂN CÔNG VÀ CHI PHÍ MÁY VÀ THIẾT BỊ
THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

(ban hành kèm theo Quyết định số 57 /2008/QĐ-UBND ngày 22 /12/2008 của
 Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội)

1 - Bảng 1: Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công.

STT	Nội dung	Hệ số điều chỉnh ($K_{NC}^{ĐC}$)
1	Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng I so với chi phí nhân công tại các tập đơn giá xây dựng công trình (Phần xây dựng, phần lắp đặt, phần khảo sát xây dựng), Đơn giá duy tu đường, hè phố, tổ chức giao thông và hoàn trả kết cấu mặt đường sau khi cải tạo công trình hạ tầng kỹ thuật do UBND Thành phố Hà nội công bố.	1,78
2	Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng II so với chi phí nhân công tại các tập đơn giá xây dựng công trình (Phần xây dựng, phần lắp đặt, phần khảo sát xây dựng), Đơn giá duy tu đường, hè phố, tổ chức giao thông và hoàn trả kết cấu mặt đường sau khi cải tạo công trình hạ tầng kỹ thuật do UBND Thành phố Hà nội công bố.	1,64
3	Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng III so với chi phí nhân công tại các tập đơn giá xây dựng công trình (Phần xây dựng, phần lắp đặt, phần khảo sát xây dựng), Đơn giá duy tu đường, hè phố, tổ chức giao thông và hoàn trả kết cấu mặt đường sau khi cải tạo công trình hạ tầng kỹ thuật do UBND Thành phố Hà nội công bố.	1,53

2 - Bảng 2: Hệ số điều chỉnh chi phí máy và thiết bị thi công xây dựng công trình.

STT	Nội dung	Hệ số điều chỉnh ($K_{MTC}^{ĐC}$)
1	Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng I so với chi phí máy thi công tại các tập đơn giá xây dựng công trình (Phần xây dựng, phần lắp đặt) do UBND Thành phố Hà nội công bố.	1,15
2	Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng II so với chi phí máy thi công tại các tập đơn giá xây dựng công trình (Phần xây dựng, phần lắp đặt) do UBND Thành phố Hà nội công bố.	1,13
3	Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng III so với chi phí máy thi công tại các tập đơn giá xây dựng công trình (Phần xây dựng, phần lắp đặt) do UBND Thành phố Hà nội công bố.	1,11

3 - Bảng 3: Hệ số điều chỉnh chi phí máy và thiết bị thi công xây dựng công trình cho tập Đơn giá duy tu đường, hè phố, tổ chức giao thông và hoàn trả kết cấu mặt đường sau khi cải tạo công trình hạ tầng kỹ thuật.

STT	Nội dung	Hệ số điều chỉnh ($K_{MTC}^{ĐC}$)
1	Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng I.	1,24
2	Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng II.	1,20
3	Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng III.	1,16

Ghi chú:

- Vùng I: Bao gồm các quận thuộc Thành phố Hà Nội (Lương tối thiểu 800.000 đồng/tháng).

- Vùng II : Bao gồm các huyện Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì, Từ Liêm, Thường Tín, Hoài Đức, Đan Phượng, Thạch Thất, Quốc Oai và Thị xã Sơn Tây thuộc Thành phố Hà Nội (Lương tối thiểu 740.000 đồng/tháng).

- Vùng III : Bao gồm các huyện còn lại thuộc Thành phố Hà Nội (Lương tối thiểu 690.000 đồng/tháng).